

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
LỚP DẠY: 10/3,7,8,9
THỜI GIAN: TUẦN 19- 20

CHƯƠNG VIII. ĐỊA LÍ DÂN CƯ

TIẾT 37, 38, 39. Bài 19

QUY MÔ DÂN SỐ, GIA TĂNG DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ THẾ GIỚI (03 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số thế giới.
- Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư) và trình bày được khái niệm gia tăng dân số thực tế; phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số.
- Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới tính), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hóa).
- So sánh các loại tháp dân số tiêu biểu.
- Giải thích được một số hiện tượng dân số trong thực tiễn.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; khảo sát, điều tra thực tế địa phương, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế...
- Giao tiếp và hợp tác: thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận, dạy học dự án, seminar...
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết/giả định, tìm logic trong giải quyết vấn đề, đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề, giải quyết vấn đề mới và thách thức, tự học về lí thuyết và công cụ địa lí.

*** Năng lực địa lí:**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích được các hiện tượng gia tăng dân số và sự thay đổi cơ cấu dân số.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: khai thác được Internet về các hình ảnh, số liệu và hiện tượng dân số (cơ cấu dân số vàng, già hóa dân số...).
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Viết báo cáo về tình hình dân số tại địa phương đang sinh sống.

3. Phẩm chất (nêu rõ hoạt động nào để hướng đến phẩm chất đó)

- Trách nhiệm thông qua tuyên truyền về kế hoạch hóa gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ dân cư phân bố dân cư thế giới
- Các kiểu tháp dân số năm 2020.
- Biểu đồ cơ cấu dân số theo khu vực kinh tế của thế giới

- Bảng số liệu tình hình dân số thế giới qua các năm
- Video “Sự thật thú vị về dân số thế giới 2021”
- Phiếu học tập làm việc nhóm
- Bài trình chiếu
- Băng keo trong, nam châm gắn bảng
- Tiêu chí đánh giá sản phẩm vận dụng ở nhà

2. Học sinh

- Giấy note để làm việc cá nhân
- Bút màu để làm việc nhóm
- Sách giáo khoa và vở ghi
- Dụng cụ truy cập Internet

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu (3-5 phút)

a) Mục tiêu:

- Làm quen với một số từ, cụm từ về dân số;
- Tạo hứng thú cho HS kết nối bài học mới.

b) Nội dung: Học sinh phối hợp với nhau để đoán ra các từ khóa GV đưa ra

- Trò chơi “Đoán từ”

c) Sản phẩm:

- Các từ cần đoán được: DÂN SỐ, SINH THỒ, TỬ THỒ, TỰ NHIÊN, CƠ HỌC, GIỚI TÍNH, NHÓM TUỔI, VĂN HÓA.

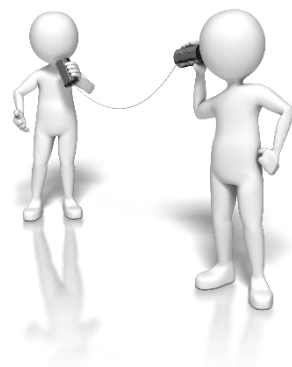
d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** HS được GV yêu cầu:

+ Hình thành 2 đội A và B

+ Luật chơi:

- Mỗi đội sẽ cử một thành viên đại diện cho đội đó lên bảng (đứng trước đội mình) để nhận từ khóa và diễn tả lại bằng hành động.
- Từng đội sẽ lần lượt tham gia chơi. Khi GV ra khẩu lệnh “Bắt đầu” thì người diễn tả hành động sẽ nhận từ khóa và sau đó dùng ngôn ngữ cơ thể, diễn tả làm sao để đồng đội có thể hiểu được từ khóa.
- Sau khi người đại diện diễn tả, các thành viên trong đội có đáp án sẽ hô to, rõ ràng, nếu chính xác sẽ được tính điểm.
- Đội chơi có quyền bỏ qua từ khóa khó và sau khi đoán đến từ khóa cuối cùng mà vẫn còn thời gian thì sẽ quay lại đoán tiếp tục từ khóa đã bỏ qua.
- Mỗi đội sẽ có 4 từ khóa, chơi trong một thời gian 1 phút. Đội nào có nhiều đáp án chính xác và sớm nhất sẽ là đội chiến thắng.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm thực hiện trò chơi trong 2 phút
- **Báo cáo, thảo luận:** công bố kết quả.
- **Kết luận, nhận định:**



- + GV khen ngợi, khuyến khích và tiếp lửa cho sự tham gia của HS;
- + GV kết nối các từ khóa, dẫn dắt tới bài học mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về qui mô dân số trên thế giới

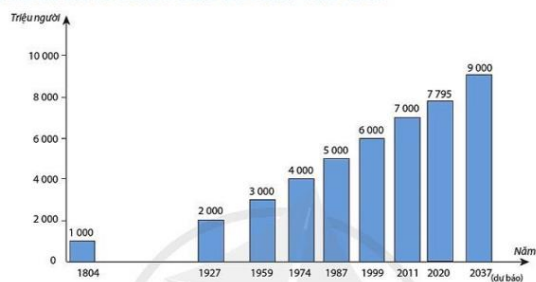
a) Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số thế giới.
- So sánh quy mô dân số giữa các nước, nhóm nước.

b) Nội dung: HS được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ:

- Xem video “Sự thật thú vị về dân số thế giới 2021”, quan sát biểu đồ tình hình tăng dân số trên thế giới (3 phút).

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ TRÊN THẾ GIỚI



Hình 16.1. Biểu đồ dân số thế giới giai đoạn 1804 – 2037

BẢNG 19. QUY MÔ DÂN SỐ THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1950 – 2050

(Đơn vị: tỉ người)

Năm	1950	2000	2020	2050 (dự báo)
Khu vực				
Toàn thế giới	2,5	6,2	7,8	9,7
Các nước phát triển	0,8	1,2	1,3	1,3
Các nước đang phát triển	1,7	5,0	6,5	8,4

- Viết nhận xét ngắn gọn bằng các từ khóa về đặc điểm và tình hình dân số trên thế giới vào giấy note (1 phút).

c) Sản phẩm: Các từ khóa về đặc điểm và tình hình dân số trên thế giới (Bùng nổ dân số, hiện nay tăng chậm, biến động khác nhau...)

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

- + HS 2 bàn quay lại/1 nhóm;
- + Nhóm HS phân công: các bạn xem và đọc từ khóa, 1 bạn note lại từ khóa ấy.

- Thực hiện nhiệm vụ:

- + Xem video và biểu đồ và note từ khóa
- + GV quan sát, hỗ trợ các nhóm nếu có khó khăn.

- Báo cáo, thảo luận:

- + GV gọi ngẫu nhiên nhóm báo cáo, bổ sung;
- + Hoàn thành phần ghi bài trong 7p

1. Qui mô dân số.

- Giữa thế kỷ XX: bùng nổ dân số
- Hiện nay: tăng chậm lại
- Các khu vực, các quốc gia, số dân biến động khác nhau (d/c)

- Kết luận, nhận định:

GV nhận xét phần làm việc các nhóm và chuyển sang nhiệm vụ 2

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về gia tăng dân số

a) Mục tiêu:

- Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư) và trình bày được khái niệm gia tăng dân số thực tế;
- Phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số.

- Giải thích được một số hiện tượng dân số trong thực tiễn.

b) *Nội dung*: HS được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ:

- Thảo luận nhóm theo kỹ thuật “Mảnh ghép”

- Nhận xét, so sánh kết quả làm việc.

c) *Sản phẩm*:

- Hoàn thành phiếu học tập (Phụ lục)

d) *Tổ chức thực hiện*:

- **Chuyển giao nhiệm vụ**:

+ Chia lớp thành 8 nhóm ngồi theo 2 cụm (cụm chẵn và cụm lẻ)

- Nhóm 1,2: Gia tăng dân số tự nhiên
- Nhóm 3,4: Gia tăng dân số cơ học
- Nhóm 5,6: Gia tăng dân số thực tế
- Nhóm 7,8: Các nhân tố ảnh hưởng gia tăng dân số

+ Thảo luận theo kỹ thuật “Mảnh ghép” vào PHT

NHÓM(1 ->6)

Nội dung:

- **Khái niệm**:

.....

.....

- **Ví dụ**

.....

.....

NHÓM(7,8)

Nội dung: Các nhân tố ảnh hưởng gia tăng dân số

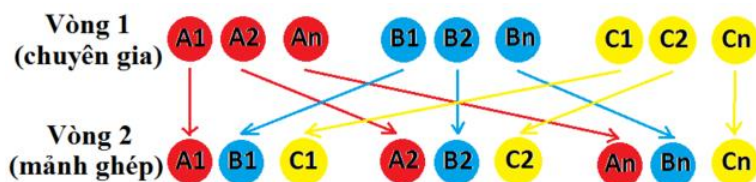
<i>Nhân tố</i>	<i>Tác động</i>
<i>Tự nhiên và môi trường sống</i>	
<i>Kinh tế - xã hội</i>	

- **Thực hiện nhiệm vụ**:

+ Vòng 1: Nhóm chuyên gia

Mỗi cá nhân trong mỗi cụm làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.

+ Vòng 2: Nhóm mảnh ghép
Hình thành nhóm mới trong cụm. Ghép sao cho nhóm mới có đủ thành viên của 3 nhóm tương ứng 3 nội dung.



Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.

Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết (lưu ý nhiệm vụ mới này phải gắn liền với kiến thức thu được ở vòng 1)

+ Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ trình bày và chia sẻ kết quả.

+ GV quan sát, hỗ trợ các nhóm (nếu có).

- Báo cáo, thảo luận:

+ GV gọi ngẫu nhiên nhóm báo cáo, bổ sung;

+ Cụm trưởng photo PHT cho thành viên các nhóm về dán vào vở ghi hoặc ghi lại nội dung vào vở.

- Kết luận, nhận định:

GV nhận xét phần làm việc các nhóm và hỏi thêm: Liệt kê các hậu quả của sự gia tăng dân số.

Em có biết?

Do số dân biến động không ngừng nên để thể hiện số dân của một năm, người ta lấy số dân trung bình của năm đó. Số dân trung bình được coi là số dân giữa năm (ngày 1 – 7 hằng năm) hoặc trung bình cộng của số dân ngày đầu năm và số dân ngày cuối năm.

Em có biết?

Hiện nay, bên cạnh di cư trong nước, di cư quốc tế (người dân chuyển từ nước này sang nước khác) diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Theo Tổ chức Di cư quốc tế (IOM), năm 1970 chỉ có 85 triệu người di cư quốc tế thì năm 2020 con số này đã lên tới 272 triệu người.



Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về cơ cấu dân số

a) Mục tiêu:

- Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới tính), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hóa).

- So sánh các loại tháp dân số tiêu biểu.

b) Nội dung: HS được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ:

- Thảo luận theo nhóm cũ (8 nhóm/2 cụm)

- Nhận xét, so sánh kết quả làm việc.

c) Sản phẩm:

- Hoàn thành phiếu học tập (Phụ lục)

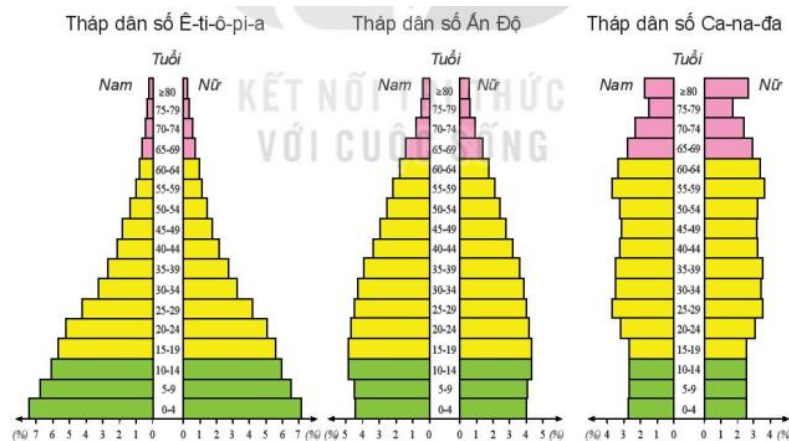
d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Giữ nguyên sơ đồ 8 nhóm/2 cụm (cụm chẵn và cụm lẻ) và thảo luận theo kỹ thuật mảnh ghép.

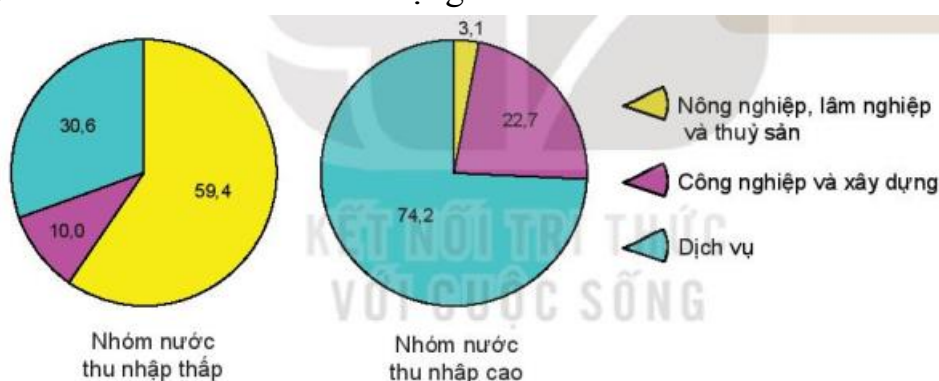
- Nhóm 1,2: Cơ cấu dân số theo giới tính

- Nhóm 3,4: Cơ cấu dân số theo tuổi



Hình 19.1. Các loại tháp dân số đặc trưng trên thế giới, năm 2020

- Nhóm 5,6: Cơ cấu dân số theo lao động



Hình 19.2. Biểu đồ cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của nhóm nước thu nhập thấp và nhóm nước thu nhập cao, năm 2020 (%)

- Nhóm 7,8: Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa

+ PHT các nhóm

NHÓM Nội dung:	
- Khái niệm:	
- Biểu hiện	

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Vòng 1: Nhóm chuyên gia

Mỗi cá nhân trong mỗi cụm làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.

+ Vòng 2: Nhóm mảnh ghép

Hình thành nhóm mới trong cụm. Ghép sao cho nhóm mới có đủ thành viên của 3 nhóm tương ứng 3 nội dung.

Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.

Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết (lưu ý nhiệm vụ mới này phải gắn liền với kiến thức thu được ở vòng 1)

+ Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ trình bày và chia sẻ kết quả.

+ GV quan sát, hỗ trợ các nhóm nếu có khó khăn.

- Báo cáo, thảo luận:

+ GV gọi ngẫu nhiên nhóm báo cáo, bổ sung;

+ Cụm trưởng photo PHT cho thành viên các nhóm về dán vào vở ghi hoặc ghi lại nội dung vào vở.

- Kết luận, nhận định:

GV nhận xét phân làm việc các nhóm và hỏi thêm: Giải thích hiện tượng “cơ cấu dân số vàng”



Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập về dân số

b) *Nội dung:* Giải bài tập:

Giả sử tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Việt Nam là 1,1% và không thay đổi trong thời kì 2000 - 2023. Hãy trình bày cách tính và điền kết quả vào bảng số liệu dân số của Việt Nam vào bảng.

c) *Sản phẩm:* Kết quả bài tập

d) *Tổ chức thực hiện:*

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Cá nhân ghi tên vào góc trái phía trên giấy nháp

+ Giải bài toán và báo cáo kết quả bằng trò chơi “Bão tuyết”

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ B1: HS tiến hành làm bài trong 2 phút

+ B2: GV ra khẩu hiệu “Bão tuyết” và HS 2 dãy lớp ném bài tập vừa hoàn thành cho các bạn tham khảo.

- Báo cáo, thảo luận:

GV bốc thăm HS lên đọc kết quả và đối chiếu.

Áp dụng công thức: $D_n = D_0 * (1 + Tg)^n$ (1) ($D_n > D_0$)

D_n : tổng số dân năm cần tính

D_0 : tổng số dân năm gốc

Tg: tỉ lệ gia tăng tự nhiên

n: số năm chênh lệch giữa năm cần tính với năm gốc.

Từ công thức (1) suy ra: $D_0 = D_n / (1 + Tg)^n$

Ta có:

Năm	2000	2015	2020	2023
Dân số (triệu người)	87,3	92,2	97,34	100,6

- Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, động viên tinh thần HS và hướng dẫn giao việc về nhà.

Hoạt động 4: Vận dụng (Chủ yếu hướng dẫn, giao về nhà thực hiện)

a) *Mục tiêu:* Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học sự gia tăng dân số để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

b) *Nội dung:* HS được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ về nhà như sau:

- Tự thỏa thuận lập nhóm HS theo xã, thực hiện điều tra sự biến động dân số tại địa phương mình sinh sống từ 5 năm trở lại đây và nguyên nhân của sự biến động đó.

- Hoàn thành bài báo cáo theo chủ đề: SỰ BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ XÃ/ẤP GIAI ĐOẠN 2018-2023

c) *Sản phẩm:* Bài báo cáo trên khổ A4, không quá 3 trang.

d) *Tổ chức thực hiện*

- GV giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

Cấu trúc:

+ Tên chủ đề báo cáo;

+ Nội dung:

1. *Khái quát đặc điểm dân số xã.....*

2. *Tình hình SỰ BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ XÃ/ẤP GIAI ĐOẠN 2018-2023*

+ Kết luận: những nhân tố ảnh hưởng và giải pháp

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà trong 2 tuần.

- GV yêu cầu HS nộp bài làm vào thời điểm thích hợp ở buổi học tới.

- GV nhận xét vào phiếu nộp, trả lại và nhận xét cho HS vào thời điểm thích hợp.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

V. PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 2

NHÓM 1,2

Nội dung: Gia tăng dân số tự nhiên

- **Khái niệm:** là sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô. Đơn vị: %

- **Ví dụ: Ở Việt Nam năm 2020: (Theo NGTK Việt Nam, năm 2021)**

+ Tỉ suất sinh thô: 16.3‰
+ Tỉ suất tử thô: 6.1‰ } Gia tăng dân số tự nhiên = (16.3 – 6.1)/10 = 1.02%

NHÓM 3,4

Nội dung: Gia tăng dân số cơ học

- **Khái niệm:** là sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư.

Đơn vị: %

- **Ví dụ: Ở Việt Nam năm 2020: (Theo NGTK Việt Nam, năm 2020)**

+ Tỷ suất xuất cư: 36.4‰
+ Tỷ suất nhập cư: 29.7‰

} Gia tăng dân số cơ học = $(36.4 - 29.7)/10 = 0.67\%$

NHÓM 5,6

Nội dung: Gia tăng dân số thực tế

- **Khái niệm:** là tổng của gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.

Đơn vị: %

- **Ví dụ: Ở Việt Nam năm 2020: (Theo NGTK Việt Nam, năm 2020)**

+ Gia tăng dân số tự nhiên: 1.02‰
+ Gia tăng dân số cơ học: 0.67‰

} Gia tăng dân số thực tế = $1.02 + 0.67 = 1.69\%$

NHÓM 7,8

Nội dung: Các nhân tố ảnh hưởng gia tăng dân số

Nhân tố	Tác động
Tự nhiên và môi trường sống	- Góp phần tăng hoặc giảm mức nhập cư - Thiên tai, dịch bệnh làm tăng mức tử vong, mức xuất cư
Kinh tế - xã hội	- Trình độ phát triển kinh tế và mức sống ảnh hưởng đến mức sinh và xuất cư - Tập quán, tâm lý XH, cơ cấu tuổi và giới tính tác động đến mức sinh, mức tử vong - Chính sách dân số ảnh hưởng đến mức sinh, mức di cư

- **Nhiệm vụ 3**

NHÓM 1,2

Nội dung: Cơ cấu dân số theo giới tính

- **Khái niệm:** biểu thị bằng tỷ lệ giới tính (tỷ lệ nam và nữ trong tổng số dân) hoặc tỷ số giới tính (100 nữ thì tương ứng bao nhiêu nam).

- **Đặc điểm:**

+ Thay đổi theo thời gian và khác nhau giữa các nước, các khu vực;

+ Phụ thuộc: tình trạng chiến tranh, tình hình phát triển kinh tế, quan niệm XH,...

+ Tác động tới phân bố sản xuất, tổ chức đời sống XH, chiến lược phát triển KT-XH,...

NHÓM 3,4

Nội dung: Cơ cấu dân số theo tuổi

- **Khái niệm:** biểu thị bằng tỉ lệ dân số theo những nhóm tuổi nhất định trong tổng số dân.
- **Đặc điểm:**
 - + Thể hiện được tổng hợp tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển nguồn dân số (dân số già, trẻ, dân số “vàng”) và nguồn lao động;
 - + Có 3 kiểu tháp tuổi: kiểu dân số trẻ (hình tam giác), kiểu dân số già (hình chum), và kiểu chuyển từ dân số trẻ qua dân số già (hình quả chuông).

NHÓM 5,6

Nội dung: Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa

- **Khái niệm:** thể hiện qua tỉ lệ dân số 15 tuổi trở lên biết chữ, số năm đi học trung bình của người trên 25 tuổi,...
- **Đặc điểm:**
 - + Phản ánh trình độ dân trí và trình độ học vấn của dân cư;
 - + Là thước đo quan trọng phản ánh chất lượng dân số của một khu vực, một quốc gia.

NHÓM 7,8

Nội dung: Cơ cấu dân số theo lao động

- **Khái niệm:** biểu thị tỉ lệ giữa các bộ phận lao động trong tổng nguồn lao động xã hội.
- **Đặc điểm:**
 - + Gồm 2 nhóm: dân số hoạt động kinh tế và dân số không hoạt động kinh tế;
 - + Hoặc, phân chia số lao động hoạt động trong 3 khu vực KT: N-LN-TS, CN-XD và DV

TÀI LIỆU DẠY HỌC

- Các link video “Sự thật thú vị về dân số thế giới 2021”
<https://www.youtube.com/watch?v=WmvldP3yIG8>

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

STT	THÔNG TIN	ĐIỂM				
		1	2	3	4	5
1	Tên bài báo cáo size 16, tên HS và số thứ tự, toàn bài size 12					

2	Cấu trúc bài khoa học, gồm 3 phần: Mở đầu, nội dung và kết luận					
3	Nêu được thực trạng cơ cấu dân số xã, có dẫn chứng phong phú					
4	Nêu được ảnh hưởng biến động dân số đến việc phát triển KT-XH của xã					
5	Đề xuất ít nhất 3 giải pháp khắc phục sự biến động dân số, có tính khả thi					
6	Có trích nguồn tham khảo ngắn gọn, Có 1-2 hình ảnh nhỏ, minh họa, rõ nét, đặc trưng cho toàn bài					
7	Bài dùng font Times New Roman, cách dòng 1.15; size 12, canh lề trái 2.0 cm, phải 1.5 cm. Trên 1.5 cm; Dưới 1.5cm					
8	Thông tin trình bày khoa học, súc tích, thuyết phục					

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
LỚP DẠY: 10/3,7,8,9
THỜI GIAN: TUẦN 20-21

Tiết 40, 41: Bài 20
PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA TRÊN THẾ GIỚI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến sự phân bố dân cư.
- Trình bày được khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hóa và ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.
- Nhận xét và giải thích được sự phân bố dân cư trên thế giới thông qua bản đồ.
- Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu).
- Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số, xử lý số liệu.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.
- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận, dạy học dự án, seminar...
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết/giả định, tìm logic trong giải quyết vấn đề, đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề, giải quyết vấn đề mới và thách thức, tự học về lý thuyết và công cụ địa lý.

*** Năng lực địa lý:**

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và lý giải được sự phân bố dân cư và đô thị.
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lý: Phân tích và giải thích bản đồ phân bố dân cư thế giới, biết vẽ biểu đồ và phân tích bảng số liệu.
- Sử dụng các công cụ địa lý học: Thiết lập được công thức tính mật độ dân số và tính được mật độ dân số của một lãnh thổ.
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Phân tích thông tin để hiểu rõ tác động đô thị hóa tới môi trường, đặc biệt là các nước đang phát triển.
- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng địa lý để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống.

3. Phẩm chất

- Có ý thức, niềm tin, trách nhiệm thông qua việc quan tâm, ủng hộ và cùng tuyên truyền các chính sách dân số của quốc gia.

- Nhận thức được những ảnh hưởng của đô thị hóa

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ mật độ dân số các nước trên thế giới, năm 2000

- Video: Sự đô thị hóa và tương lai Vance Kite

<https://www.youtube.com/watch?v=5DoGQw8qB0U>

- Bảng 20.1, 20.2 SGK/Tr 62

- Bản đồ phân bố đô thị trên thế giới

- Tư liệu về các siêu đô thị: Top 15 siêu đô thị thế giới

<https://www.youtube.com/watch?v=aZhDnEl1m24>

- Phiếu học tập làm việc nhóm

- Bài trình chiếu

- Băng keo trong, nam châm gắn bảng

- Bài đọc về

- Tiêu chí đánh giá sản phẩm vận dụng ở nhà

- Trò chơi

2. Học sinh

- Giấy note để làm việc cá nhân

- Bút màu để làm việc nhóm

- Sách giáo khoa và vở ghi

- Dụng cụ truy cập Internet, quét mã QR

- Cài đặt Google Earth trên thiết bị điện tử

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu (3-5 phút)

a) Mục tiêu:

- Giúp HS gợi nhớ được một số kiến thức về dân cư trên thế giới

- Kết nối bài học mới.

b) Nội dung:

- Trò chơi “Giải mã từ khóa”

c) Sản phẩm:

- HS trả lời 8 câu hỏi để tìm ra được từ khóa “Đô thị hóa”

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV phổ biến luật chơi: Có 8 câu hỏi tương ứng với 8 ô chữ hàng ngang. Trả lời đúng câu hỏi, ô chữ hàng ngang được mở ra, trong đó có chứa 1 chữ cái của từ khóa. Trả lời đúng 8 câu hỏi, 8 chữ cái của từ khóa sẽ được mở ra. Sắp xếp 8 chữ cái đó thành một cụm từ có nghĩa – đó là từ khóa cần giải mã.

+ Lưu ý: Có thể giải mã từ khóa bất kỳ lúc nào khi đã chắc chắn đáp án. Nếu giải mã sai sẽ mất lượt tham gia.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS lần lượt trả lời 8 câu hỏi:

- 1) Quốc gia đang đứng thứ 2 trên thế giới trong bảng xếp hạng dân số các nước và vùng lãnh thổ? **ÁN ĐỘ** (1,4 tỉ dân _2022)
- 2) Dân số trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi, được gọi là nguồn: **LAO ĐỘNG**
- 3) Tên gọi khác của tháp dân số? **THÁP TUỔI**
- 4) Sự chênh lệch giữa tỉ suất nhập cư và tỉ suất xuất cư gọi là gia tăng dân số gì? **CƠ HỌC**
- 5) Mức chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô gọi là tỉ suất tăng: **TỰ NHIÊN**
- 6) Cơ cấu dân số nào thể hiện được trình độ dân trí và học vấn của người dân? **VĂN HÓA**
- 7) Dân số thế giới tăng lên hay giảm đi là do yếu tố sinh đẻ và **TỬ VONG**
- 8) Hiện tượng dân số có số người 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% trở lên trong tổng số dân là **GIÀ HÓA** dân số.

+ Sau hiệu lệnh “Hết”, HS được giao tay trả lời.

- Báo cáo, thảo luận:

Từ khóa giải mã: **ĐÔ THỊ HÓA**

		A	N	D	O			
		L	A	O	Đ	O	N	G
T	H	A	P	T	U	O	I	
		C	O	H	O	C		
T	U	N	H	I	E	N		
	V	A	N	H	O	A		
	T	U	V	O	N	G		
		G	I	A	H	O	A	

- Kết luận, nhận định:

GV khích lệ HS và dẫn nhập kết nối bài mới

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút)

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu sự phân bố dân cư

a) Mục tiêu:

- Thiết lập được công thức tính mật độ dân số và tính được mật độ dân số của một lãnh thổ.
- Nhận xét và giải thích được sự phân bố dân cư trên thế giới thông qua bản đồ.
- Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến sự phân bố dân cư.

b) Nội dung: HS được yêu cầu trả lời 2 câu hỏi

- Căn cứ vào chú thích hình 20 SGK/Tr60, thiết lập công thức tính mật độ dân số
- Nhận xét sự phân bố dân cư các nước trên thế giới

c) Sản phẩm: Trả lời 2 câu hỏi và Hoàn thành PHT (Phụ lục)

ĐÔI BẠN CÙNG TIỀN:
Sự phân bố dân cư

Công thức tính MĐDS		Tình hình phân bố dân cư trên thế giới	
Các nhân tố ảnh hưởng			
Tự nhiên	Ảnh hưởng	KT-XH	Ảnh hưởng

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

- + Hình thành đôi bạn cùng tiến
- + Quan sát hình 20 SGK/Tr60, thảo luận và hoàn thành PHT

- Thực hiện nhiệm vụ:

- + 2 HS ngồi cùng bàn ghép thành “Đôi bạn cùng tiến”
- + Thảo luận và hoàn thành PHT trong 5 phút
- + GV quan sát và hỗ trợ (nếu có)

- Báo cáo, thảo luận:

- + GV thu tất cả PHT và chọn ngẫu nhiên 1 cặp lên bảng trình bày
- + Các cặp còn lại bổ sung (nếu có)

- Kết luận, nhận định:

- + GV nhận xét và chuẩn kiến thức
- + HS ghi/dán nội dung vào vở

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Đô thị hóa

a) Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm đô thị hóa
- Phân tích thông tin để hiểu rõ tác động đô thị hóa tới kt-xh và môi trường, đặc biệt là các nước đang phát triển.

b) Nội dung:

- Xem clip <https://www.youtube.com/watch?v=U3hHdunQLuM> và dựa vào thông tin mục a, trình bày khái niệm đô thị hóa.
- Vẽ sơ đồ tư duy về các nhân tố ảnh hưởng đến đô thị hóa.
- Phân tích ảnh hưởng của ĐTH đến KT-XH và MT.

c) Sản phẩm:

- Khái niệm đô thị hóa
- Bảng thông tin về các nhân tố ảnh hưởng đến đô thị hóa;
- Sơ đồ tư duy về ảnh hưởng của ĐTH đến KT-XH và MT

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

- + Nhiệm vụ 1: Xem clip <https://www.youtube.com/watch?v=U3hHdunQLuM> và dựa vào thông tin mục a, trình bày khái niệm đô thị hóa.

- + Nhiệm vụ 2: 2 HS ngồi cùng bàn, đọc thông tin mục b, vẽ sơ đồ tư duy về các nhân tố ảnh hưởng đến đô thị hóa.
- + Nhiệm vụ 3: Đọc thông tin bảng 20.1, phân tích ảnh hưởng của ĐTH đến KT-XH và MT.

- Thực hiện nhiệm vụ:

- * Nhiệm vụ 1: Làm việc cá nhân

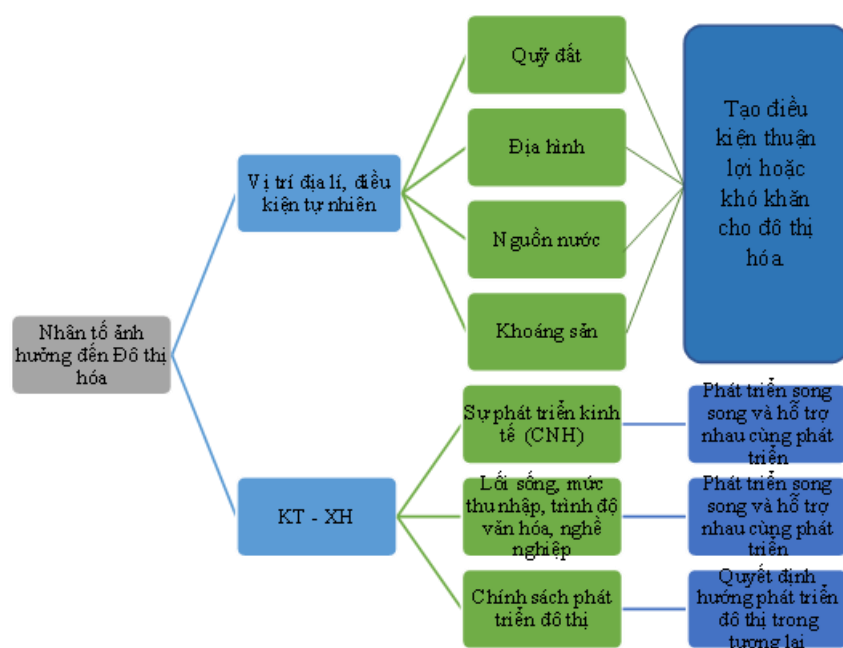
ĐTH là quá trình KT-XH, biểu hiện là sự tập trung dân cư vào đô thị với số lượng và qui mô ngày càng lớn.

- * Nhiệm vụ 2: Làm việc theo nhóm đôi (2 HS cùng bàn): Vẽ sơ đồ tư duy về các nhân tố ảnh hưởng đến đô thị hóa trên giấy A4.

- * Nhiệm vụ 3: Làm việc theo nhóm 4 (2 bàn quay lại): phân tích ảnh hưởng của ĐTH đến KT-XH và MT trên giấy A3

- Báo cáo, thảo luận:

- + GV lần lượt gọi cá nhân/nhóm 2/nhóm 4 bất kỳ lên trình bày, cá nhân/nhóm 2/nhóm 4 còn lại bổ sung (nếu có)
- + HS ghi/dán nội dung vào vở ghi



- Kết luận, nhận định:

GV cho các nhóm đánh giá và cho điểm chéo SĐTD ở nhiệm vụ 2 theo vòng tròn

Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)

a) Mục tiêu:

- Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu).
- Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số, xử lý số liệu.

b) Nội dung:

- Làm bài tập ở phần luyện tập trang 62/SGK

c) Sản phẩm:

- Biểu đồ miền thể hiện sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị và nông thôn của thế giới giai đoạn 1950 - 2020
- Nhận xét sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị và nông thôn của thế giới giai đoạn 1950 – 2020:
 - + Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh liên tục (d/c)
 - + Tỉ lệ dân nông thôn giảm nhanh liên tục (d/c)
 - + Từ giai đoạn 1950 đến 2000, tỉ lệ dân thành thị luôn thấp hơn tỉ lệ dân nông thôn. Nhưng đến năm 2020, tỉ lệ dân thành thị cao hơn tỉ lệ dân nông thôn 12,4%

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

- + Cá nhân thực hành vẽ và nhận xét trên 1 mặt A4/1 tờ giấy vở ghi

- Thực hiện nhiệm vụ:

- + Cá nhân HS vẽ biểu đồ và nhận xét
- + GV quan sát và hỗ trợ (nếu có)

- Báo cáo, thảo luận: GV thu lại tất cả và chọn 1 sản phẩm của 1 hoặc 2 sản phẩm trình bày

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm công khai. Những bài còn lại GV sẽ chấm và trả ở tiết kế tiếp.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Phân tích thông tin để hiểu rõ tác động đô thị hóa tới môi trường, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

b) Nội dung:

Xem video và trả lời câu hỏi:

- 1) *Nêu những vấn đề đặt ra của ĐTH nước ta hiện nay*
- 2) *Đề xuất các giải pháp để ĐTH phát triển song song với CNH*

c) Sản phẩm:

Phản trả lời 2 câu hỏi của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- GV gửi link video cho HS tham khảo
- HS tự thành lập nhóm 4 người
- Về nhà thảo luận và trả lời bằng văn bản đánh máy hoặc viết tay trên khổ giấy A4.
- Thời gian nộp bài: Đầu giờ tiết kế tiếp (nộp giấy) và nộp trước 1 ngày của tiết sau (nộp link)

IV. RÚT KINH NGHIỆM

V. PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP

ĐÔI BẠN CÙNG TIẾN:

Sự phân bố dân cư

Công thức tính MĐDS		Tình hình phân bố dân cư trên thế giới	
Dân số MĐDS = ----- (người/km²) Diện tích		Rất không đồng đều: - Tập trung đông: Nam Á, Đông Á, ĐNA, Tây và Trung Âu... - Thưa thớt: Bắc Á, châu Đại Dương...	
Các nhân tố ảnh hưởng			
Tự nhiên	Ảnh hưởng	KT-XH	Ảnh hưởng
Đktn (Đất, nước, khí hậu...) Tntn (phong phú hay hạn chế; giàu hay nghèo,)	Tạo điều kiện thuận lợi hoặc gây trở ngại cho sự cư trú của con người	- Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; - Tính chất nền KT - Lịch sử khai thác lãnh thổ; - Di cư	- Quyết định việc phân bố dân cư - Sự phân bố dân cư phụ thuộc chặt chẽ vào nó; - Nơi nào hình thành lâu đời thường dân cư đông - Có thể làm thay đổi tỉ trọng dân số một khu vực, châu lục, quốc gia.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY

STT	Tiêu chí	Điểm				
		1	2	3	4	5
1	Bố cục trên khổ A4 cân đối, hợp lí, không có các khu vực trống					

2	Có các tranh, hình vẽ icon phù hợp nội dung					
3	Nêu được tác động của từng nhân tố đến ĐTH, nêu được nhân tố nào quyết định					
4	Có tên nhóm và tên thành viên đầy đủ, ghi đẹp, ấn tượng ở 1 góc sản phẩm					
5	Chữ viết rõ, dễ đọc, thể hiện tính thẩm mỹ cao, màu mực đậm					

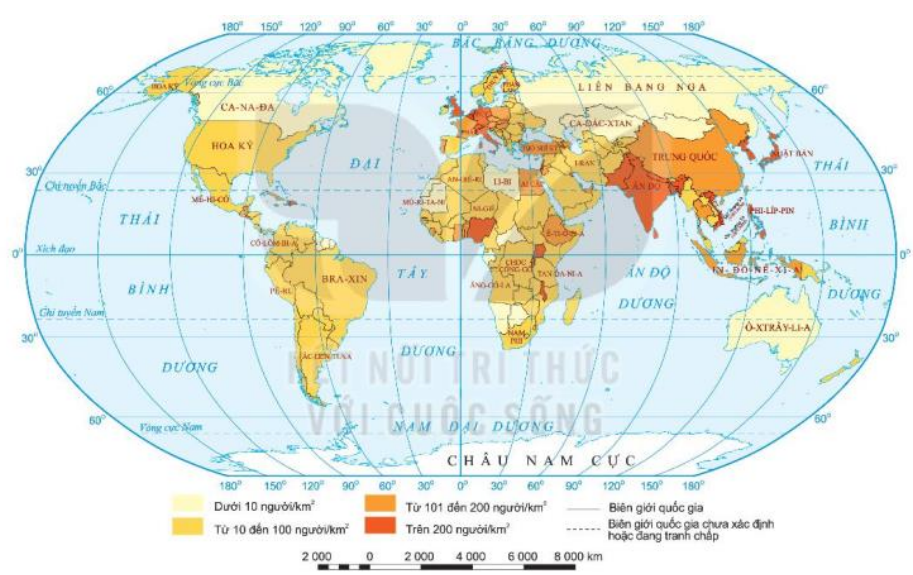
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP Ở NHÀ

STT	Tiêu chí	Điểm				
		1	2	3	4	5
1	Bố cục trên khổ A4 cân đối, hợp lí.					
2	Có tên nhóm và tên thành viên đầy đủ, ghi đẹp, ấn tượng ở 1 góc sản phẩm					
3	Nêu được ít nhất 3 vấn đề tiêu cực đang diễn ra ở đô thị nước ta mà bài làm nhắc đến liên quan đến các vấn đề					

	kinh tế, xã hội, môi trường					
4	Đề cập đến nguyên nhân, hậu quả, giải pháp một cách ngắn gọn và tiêu biểu					
5	Chữ viết rõ, dễ đọc, thể hiện tính thẩm mỹ cao. Hoặc đánh máy khung văn bản rõ ràng, ý gọn, nội dung đúng thời hạn					

TƯ LIỆU DẠY HỌC

Hệ thống tranh ảnh



Hình 20. Bản đồ mật độ dân số các nước trên thế giới, năm 2020

BẢNG 20.1 ẢNH HƯỞNG CỦA ĐÔ THỊ HOÁ

	Ảnh hưởng tích cực	Ảnh hưởng tiêu cực
Về kinh tế	- Tăng quy mô và tỉ lệ lao động ở các khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ. - Thay đổi cơ cấu nền kinh tế, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế. - Tăng năng suất lao động.	Giá cả ở đô thị thường cao.
Về xã hội	- Tạo thêm nhiều việc làm mới. - Phổ biến lối sống thành thị, tạo điều kiện tiếp cận nhiều thiết bị văn minh trong đời sống. - Nâng cao trình độ văn hoá, nghề nghiệp của một bộ phận dân cư.	- Tạo áp lực về nhà ở, việc làm, hạ tầng đô thị. - Nguy cơ gia tăng tệ nạn xã hội.
Về môi trường	Mở rộng và phát triển không gian đô thị, hình thành môi trường đô thị, cơ sở hạ tầng hiện đại, nâng cao chất lượng cuộc sống.	Đô thị hoá tự phát thường dẫn đến môi trường bị ô nhiễm, giao thông tắc nghẽn.

- Các link video:



Cho bảng số liệu:

BẢNG 20.2. TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1950 – 2020

(Đơn vị: %)

Năm	1950	1970	2000	2020
Thành thị	29,6	36,6	46,7	56,2
Nông thôn	70,4	63,4	53,3	43,8

- Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị và nông thôn thế giới giai đoạn 1950 – 2020.
- Nêu nhận xét.

Đô thị hóa - Những vấn đề đặt ra: https://www.youtube.com/watch?v=88dx_AvEbml

Đô thị hóa - Hãy là động lực đừng là gánh nặng:

https://www.youtube.com/watch?v=Agr6o9z_IE4&t=197s

Sự đô thị hóa và tương lai Vance Kite:

<https://www.youtube.com/watch?v=5DoGQw8qB0U&t=128s>

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
LỚP DẠY: 10/3,7,8,9
THỜI GIAN: TUẦN 21

**CHƯƠNG IX: CÁC NGUỒN LỰC . MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

Tiết 42- Bài 21: CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- + Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực, phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế
- + Phân tích được sơ đồ nguồn lực

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác về vai trò nguồn lực, đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học địa lí:
 - + Trình bày được khái niệm nguồn lực; phân biệt được các loại nguồn lực.
 - + Phân tích được vai trò của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế.
- Tìm hiểu địa lí:
 - + Nhận xét, phân tích sơ đồ nguồn lực để hiểu cách phân loại nguồn lực dựa vào nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ
 - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đề xuất các giải pháp khai thác nguồn lực tự nhiên tại địa phương.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.
- Nhận thức được vai trò của bản thân trong việc xây dựng nguồn nhân lực cho đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giáo án, 1 số bản đồ, tranh ảnh minh họa
- Phiếu học tập.

2. Học liệu

- Bút màu.
- Giấy note

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

(Cặp đôi/Nhóm/5 phút)

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực tư duy, giao tiếp, thống kê và khả năng liên kết kiến thức của học sinh.
- Năng lực tự học: HS chủ động tự giác tham gia trò chơi
- Chăm chỉ: Ham học, tích cực học tập.
- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng học tập.

b. Nội dung:

- Học sinh tham gia trò chơi HIỂU Ý ĐỒNG ĐỘI

c. Sản phẩm:

CHỦ ĐỀ 1	CHỦ ĐỀ 2
1. Kinh tế	1. Nông nghiệp.
2. Công nghiệp	2. Du lịch
3. Sinh vật.	3. Đất đai.
4. Khoáng sản.	4. Nguồn nước
5. Lãnh thổ	5. Lao động

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV Chia lớp thành 2 đội lớn, mỗi đội cử 1 cặp đại diện lên thi đấu. Mỗi đội bốc thăm 1 chủ đề, mỗi chủ đề có 5 cụm từ. Trong thời gian 2 phút, 1 bạn sẽ dùng lời để diễn đạt cho đồng đội đoán đúng từ hoặc cụm từ đó. Đội nào đoán được nhiều hơn sẽ chiến thắng.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các đội lần lượt tham gia trò chơi
- **Báo cáo, thảo luận:** Cả lớp quan sát, cổ vũ và đánh giá đội thắng cuộc
- **Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét câu trả lời của HS, sau đó dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu các nguồn lực phát triển kinh tế

(Cá nhân/ khai thác trực quan/ 5 phút)

a. Mục tiêu

Phát biểu được khái niệm nguồn lực, kể tên được các nguồn lực.

b. Nội dung

- Học sinh đọc mục 1 SGK và hoàn thành khái niệm nguồn lực

c. Sản phẩm

NỘI DUNG

I. Nguồn lực

1. Khái niệm

Nguồn lực là tổng thể *vị trí địa lí, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách, vốn và thị trường*,...ở cả trong nước và ngoài nước có thể được khai thác nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc nội dung mục 1 SGK trả lời câu hỏi:
Sắp xếp các từ còn thiếu vào đoạn văn sau:

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm nguồn lực



Hãy sắp xếp các từ ở phía dưới vào chỗ khuyết để được khái niệm nguồn lực hoàn chỉnh nhất.

Nguồn lực là tổng thể _____, các nguồn _____, hệ thống _____, nguồn _____, đường lối chính sách, vốn và thị trường,... ở cả trong nước và ngoài nước có thể được _____ nhằm phục vụ cho việc _____ của một _____ nhất định.

phát triển kinh tế

tài sản quốc gia

lãnh thổ

vị trí địa lí

tài nguyên thiên nhiên

nhân lực

khai thác

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc và hoàn thành trong vòng 2 phút
- **Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định học sinh trả lời câu hỏi, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu phân loại các nguồn lực phát triển kinh tế

(Cá nhân/ khai thác trực quan / 10 phút)

a. Mục tiêu

Nêu được cách phân loại được các nguồn lực.

b. Nội dung

- Học sinh đọc mục 2 SGK và hoàn thành sơ đồ phân loại nguồn lực

- c. Sản phẩm

NỘI DUNG

2. Các nguồn lực

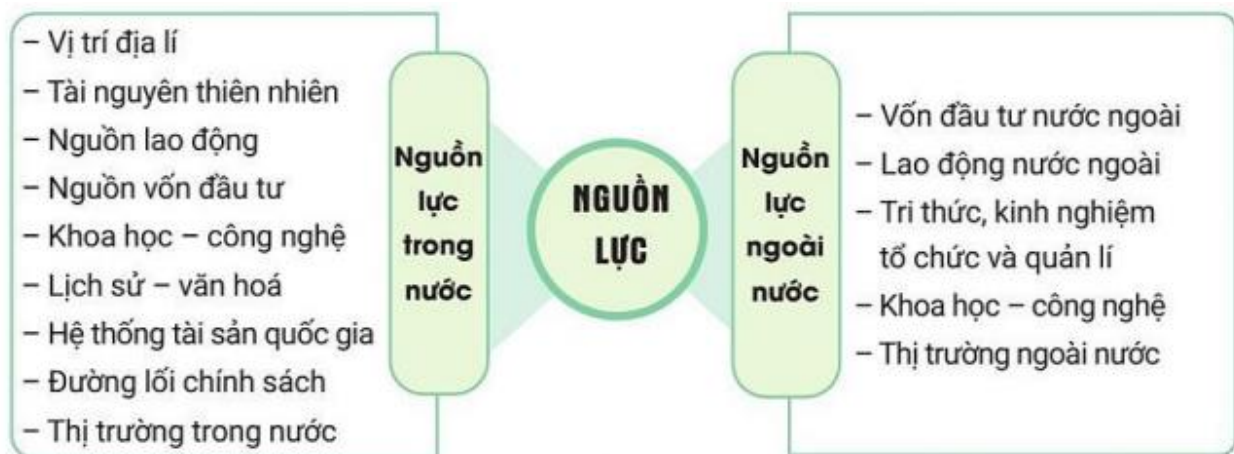
a. Dựa vào nguồn gốc hình thành



Hình 18.2. Sơ đồ phân loại nguồn lực căn cứ vào nguồn gốc hình thành

b. Dựa vào phạm vi lãnh thổ:

- Nguồn lực trong nước (nội lực).
- Nguồn lực nước ngoài (ngoại lực).



Hình 18.1. Sơ đồ phân loại nguồn lực căn cứ vào phạm vi lãnh thổ

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc nội dung mục 2 SGK trả lời câu hỏi: Sắp xếp các từ còn thiếu vào đoạn văn sau:

Hoạt động 2: Tìm hiểu phân loại nguồn lực

GV yêu cầu HS dựa vào SGK để hoàn thành sơ đồ trong vòng thời gian 2 phút

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc và hoàn thành trong vòng 2 phút
- **Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định học sinh trả lời câu hỏi, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu vai trò các nguồn lực phát triển kinh tế

(Nhóm/Chuyên gia, mảnh ghép/ khai thác trực quan/ 25 phút)

a. Mục tiêu

Phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế

b. Nội dung

- Học sinh hoạt động chuyên gia, mảnh ghép tìm hiểu vai trò mỗi loại nguồn đối với phát triển kinh tế và vận dụng giải thích vào từng quốc gia

- c. Sản phẩm

NỘI DUNG
3. Vai trò ❖ Nguồn lực bên trong, có vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế của một lãnh thổ - Vị trí địa lí: Tạo thuận lợi hoặc gây khó khăn trong việc trao đổi, tiếp cận hay cùng phát triển giữa các quốc gia. - Nguồn lực tự nhiên: Là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất. Sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên tạo lợi thế cho sự phát triển. - Nguồn lực KT-XH: Có vai trò quan trọng để lựa chọn chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn ❖ Nguồn lực bên ngoài có vai trò quan trọng: tạo nên sức mạnh cho sự phát triển kinh tế đặc biệt trong nền kinh tế tri thức và xu hướng hợp tác hóa , quốc tế hóa ngày càng mở rộng ❖ Sự kết hợp giữa 2 nguồn lực bên trong và bên ngoài một cách hợp lí sẽ giúp phát triển kinh tế của lãnh thổ nhanh và bền vững

d. Tổ chức thực hiện

+ VÒNG CHUYÊN GIA

- **Chuyên gia nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 2 cụm mỗi cụm 4 nhóm chuyên gia nhận nhiệm vụ như sau

Nhóm 1: Phân tích vai trò của nguồn lực vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế. Lấy ví dụ

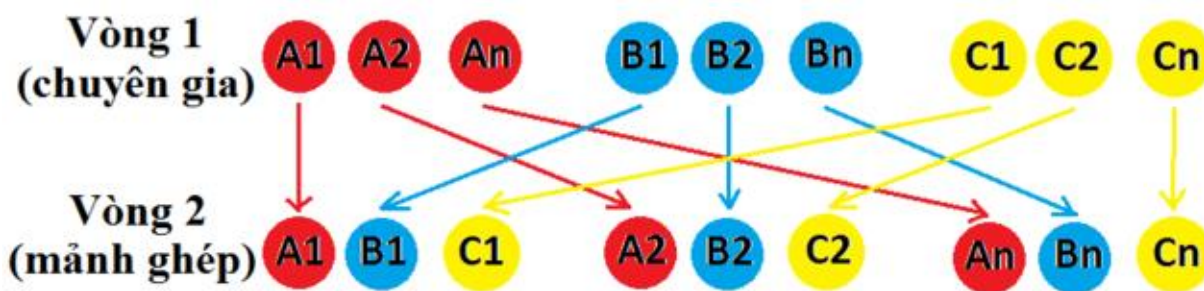
Nhóm 2: Phân tích vai trò của nguồn lực tự nhiên đối với phát triển kinh tế. Lấy ví dụ

Nhóm 3: Phân tích vai trò của nguồn lực KT-XH đối với phát triển kinh tế. Lấy ví dụ

Nhóm 4: Phân tích vai trò của nguồn lực bên ngoài đối với phát triển kinh tế. Lấy ví dụ

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu thảo luận hoàn thành trong vòng 5 phút

+ VÒNG MẢNH GHÉP: Ở mỗi cụm, thành viên các nhóm tự đánh số cho cá nhân từ 1 đến 4, nếu dư ra lại xoay vòng về số 1. Sau khi các nhóm hoàn thành đánh số, học sinh sẽ di chuyển, các cá nhân số 1 gom thành 1 cụm, số 2 gom thành 1 cụm,... hình thành 4 nhóm mới.



- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hình thành lớp mỗi cụm 4 nhóm mảnh ghép mới nhận nhiệm vụ như sau

Nhiệm vụ 1: Các chuyên gia chia sẻ nội dung cho nhóm mới trong vòng 2 phút

Nhiệm vụ 2: Các nhóm chơi trò chơi: Truy tìm mảnh ghép 2 phút

Trò chơi: Truy tìm mảnh ghép

Hãy ghép các mảnh ghép lại với nhau để tạo ra nội dung kiến thức phù hợp.

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN

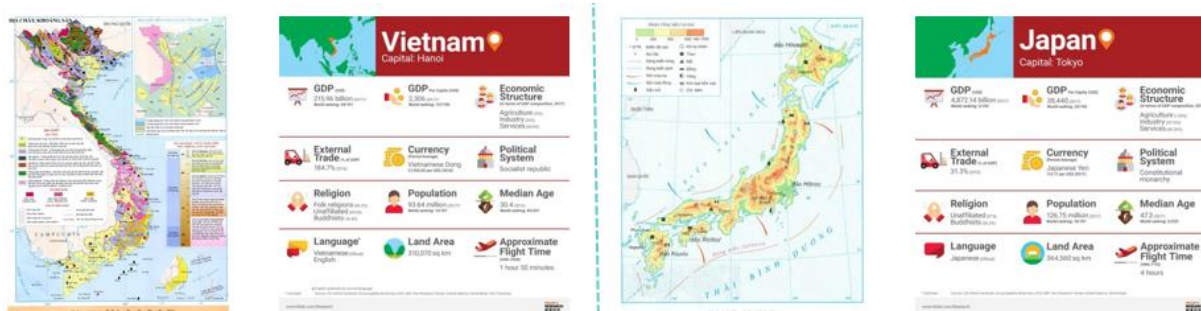
NGUỒN LỰC KT - XH

Có vai trò quan trọng để lựa chọn chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn

Tạo thuận lợi hoặc gây khó khăn trong việc trao đổi, tiếp cận hay cùng phát triển giữa các quốc gia.

Là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất. Sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên tạo lợi thế cho sự phát triển.

Nhiệm vụ 3: Từ kiến thức đã học quan sát hai hình ảnh sau đây chứng minh vai trò của các nguồn lực trong phát triển kinh tế trong vòng 5 phút



Bản đồ khoáng sản và các chỉ số kinh tế của Việt Nam

Bản đồ khoáng sản và các chỉ số kinh tế của Nhật Bản

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi ngẫu nhiên thành viên nhóm thực hiện ghép nối

+ Gv gọi ngẫu nhiên Hs báo cáo nội dung nhiệm vụ 3

+ Hs khác bổ sung nếu có

- **Kết luận, nhận định:**

- + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.
- + Gv chốt nội dung

Hoạt động 3: Luyện tập (Cá nhân/ động não/5 phút)

a. Mục tiêu

- HS củng cố lại kiến thức bài học.
- Năng lực tự học: HS chủ động tham gia hoạt động học tập
- Chăm chỉ: Ham học, tích cực học tập.
- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng học tập.

b. Nội dung

TRò chơi “AI NHANH HƠN”

c. Sản phẩm

Câu 1: Nguồn lực là

- A.** Tổng thể các yếu tố trong và ngoài nước có khả năng khai thác nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một lãnh thổ nhất định.
- B.** Các điều kiện tự nhiên nhưng không thể khai thác để phục vụ cho sự phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.
- C.** Các điều kiện kinh tế - xã hội ở dưới dạng tiềm năng.
- D.** Các tác động từ bên ngoài không có sức ảnh hưởng đến sự phát triển của một lãnh thổ nhất định.

Câu 2: Nhân tố nào sau đây là căn cứ để phân loại nguồn lực.

- A.** Vai trò.
- B.** Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ.
- C.** Mức độ ảnh hưởng.
- D.** Thời gian

Câu 3. Nguồn vốn, thị trường, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lí từ nước ngoài hướng tới sự phát triển kinh tế của một quốc gia được gọi là nguồn lực

- A.** tự nhiên.
 - B.** bên trong.
 - C.** bên ngoài.
 - D.** kinh tế-xã hội.
- Câu 4.** Nguồn lực tự nhiên có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A.** Thứ yếu.
- B.** Chủ đạo.
- C.** Quyết định.
- D.** Quan trọng.

Câu 5. Nguồn lực kinh tế - xã hội quan trọng nhất có tính quyết định đến sự phát triển kinh tế của một đất nước là

- A.** khoa học - kĩ thuật và công nghệ.
- B.** nguồn vốn.
- C.** thị trường tiêu thụ.
- D.** con người.

Câu 6: Trong xu thế hội nhập của nền kinh tế thế giới, nguồn lực có tính chất định hướng phát triển có lợi nhất trong việc xây dựng các mối quan hệ giữa các quốc gia là

- A.** Tài nguyên thiên nhiên.
- B.** Vốn.
- C.** Vị trí địa lí.
- D.** Thị trường.

Câu 7: Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực được phân thành:

- A.** Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.
- B.** Điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế.
- C.** Vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội.
- D.** Điều kiện tự nhiên, nhân văn, hỗn hợp.

Câu 8: Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên được coi là nhân tố

- A. Cần thiết cho quá trình sản xuất.
- B. Quyết định tới việc sử dụng các nguồn lực khác.
- C. Tạo khả năng ban đầu cho các hoạt động sản xuất.
- D. Ít ảnh hưởng tới quá trình sản xuất.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV thông qua thẻ lệ trò chơi:
 - + Cơ cấu điểm: câu hỏi lớn (4điểm), câu hỏi nhỏ gợi ý (1 điểm/câu).
 - + Trả lời theo vòng tròn, nhóm đến lượt không trả lời được nhường quyền trả lời cho các nhóm còn lại và có quyền đoán câu đáp án câu hỏi lớn .
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm tiến hành chơi trò chơi trong vòng 5 phút.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi ngẫu nhiên Hs trả lời, Hs khác bổ sung nếu có.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả, tuyên dương các HS làm việc tích cực.

Hoạt động 4: Vận dụng (3 phút)

a. Mục tiêu

- Năng lực tự học: HS chủ động tự giác học tập ngoài giờ học.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đề xuất các giải pháp khai thác nguồn lực tự nhiên tại địa phương

b. Nội dung: HS nhận nhiệm vụ

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Ở địa phương em có những nguồn lực tự nhiên nào?
Có thể khai thác vào những hoạt động kinh tế nào? Hãy tìm hiểu và hoàn thành bài báo cáo cá nhân về những nguồn lực tự nhiên và hướng khai thác các nguồn lực đó.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, ghi lại và hoàn thành nhiệm vụ sau buổi học.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS tiến hành làm bài tập ở nhà vào vở.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét đánh giá quá trình học tập của HS.

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
LỚP DẠY: 10/3,7,8,9
THỜI GIAN: TUẦN 22

Tiết 43-44 - Bài 22: CƠ CẤU KINH TẾ, TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC VÀ TỔNG THU NHẬP QUỐC GIA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- + Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế và phân biệt các cơ cấu kinh tế các loại theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ
- + So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: GDP, GNI, GDP/người, GNI/người
- + Phân tích được sơ đồ cơ cấu kinh tế

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác về vai trò nguồn lực, đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học địa lí:
 - + Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế và phân biệt các cơ cấu kinh tế các loại theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ
 - + So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: GDP, GNI, GDP/người, GNI/người
- Tìm hiểu địa lí:
 - + Vẽ được biểu đồ và nhận xét, giải thích cơ cấu nền kinh tế
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng: Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.
- Nhận thức được vai trò của bản thân trong việc xây dựng nguồn nhân lực cho đất

nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giáo án, 1 số bản đồ, tranh ảnh minh họa
- Phiếu học tập.

2. Học liệu

- Bút màu.
- Giấy note

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

(Cặp đôi/Nhóm/5 phút)

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực tư duy, giao tiếp, thống kê và khả năng liên kết kiến thức của học sinh.
- Năng lực tự học: HS chủ động tự giác tham gia trò chơi
- Chăm chỉ: Ham học, tích cực học tập.
- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng học tập.

b. Nội dung:

- Học sinh tham gia trò chơi HIỂU Ý ĐỒNG ĐỘI

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV Chia lớp thành 2 đội lớn, mỗi đội cử 1 cặp đại diện lên thi đấu. Mỗi đội bốc thăm 1 chủ đề, mỗi chủ đề có 5 cụm từ. Trong thời gian 2 phút, 1 bạn sẽ dùng lời để diễn đạt cho đồng đội đoán đúng từ hoặc cụm từ đó. Đội nào đoán được nhiều hơn sẽ chiến thắng.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các đội lần lượt tham gia trò chơi
- **Báo cáo, thảo luận:** Cả lớp quan sát, cổ vũ và đánh giá đội thắng cuộc
- **Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét câu trả lời của HS, sau đó dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu cơ cấu nền kinh tế

(Cá nhân/ khai thác trực quan/ 5 phút)

a. Mục tiêu

- + Phát biểu được khái niệm cơ cấu nền kinh tế.
- + Phân biệt các cơ cấu kinh tế các loại theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ

b. Nội dung

- Học sinh đọc mục 1 SGK và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm

NỘI DUNG

I. Nguồn lực

1. Khái niệm

Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế có quan hệ hữu cơ tương đối ổn định hợp thành

2. Phân loại

Cơ cấu kinh tế có thể phân thành: cơ cấu theo ngành, cơ cấu theo thành phần kinh tế và cơ cấu theo lãnh thổ.

BẢNG 22.1. PHÂN LOẠI CƠ CẤU KINH TẾ

Loại cơ cấu	Cơ cấu theo ngành	Cơ cấu theo thành phần kinh tế	Cơ cấu theo lãnh thổ
Thành phần	– Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản – Công nghiệp và xây dựng – Dịch vụ	– Kinh tế trong nước (kinh tế Nhà nước, kinh tế ngoài Nhà nước). – Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	– Vùng kinh tế – Khu kinh tế – ...
Ý nghĩa	Cơ cấu theo ngành là bộ phận cơ bản nhất trong cơ cấu kinh tế. Cơ cấu theo ngành biểu thị tỉ trọng, vị trí của các ngành và mối quan hệ giữa các ngành trong nền kinh tế. Cơ cấu theo ngành phản ánh trình độ phát triển (khoa học – công nghệ, lực lượng sản xuất,...) của nền sản xuất xã hội.	Cơ cấu theo thành phần kinh tế cho biết sự tồn tại của các thành phần tham gia hoạt động kinh tế. Cơ cấu theo thành phần kinh tế phản ánh khả năng khai thác năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế. Vị thế của các thành phần kinh tế có sự thay đổi ở các giai đoạn khác nhau.	Cơ cấu theo lãnh thổ cho biết mối quan hệ của các bộ phận lãnh thổ hợp thành nền kinh tế. Cơ cấu theo lãnh thổ phản ánh trình độ phát triển, thể mạnh đặc thù của mỗi lãnh thổ.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: tìm hiểu khái niệm cơ cấu nền kinh tế (Cá nhân/ 3 phút)

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc nội dung mục 1 SGK trả lời câu hỏi: Cơ cấu nền kinh tế là gì?
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc và hoàn thành trong vòng 2 phút
- **Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định học sinh trả lời câu hỏi, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Nhiệm vụ 2: tìm hiểu phân loại cơ cấu nền kinh tế (chuyên gia-mảnh ghép/ 15 phút)

VÒNG CHUYÊN GIA

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 2 cụm, mỗi cụm 3 nhóm. Nhiệm vụ chuyên gia như sau:

Nhóm 1: Trình bày thành phần, ý nghĩa của cơ cấu theo ngành kinh tế.

Nhóm 2: Trình bày thành phần, ý nghĩa của cơ cấu theo thành phần kinh tế.

Nhóm 3: Trình bày thành phần, ý nghĩa của cơ cấu theo lãnh thổ kinh tế.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc và hoàn thành trong vòng 3 phút

VÒNG MÀNH GHÉP

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hình thành 2 cụm, mỗi cụm 3 nhóm mới ghép từ các nhóm chuyên gia. Nhiệm vụ như sau:

Phân biệt cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chuyên gia trình bày cho nhóm mới, sau đó thảo luận nhóm và viết nội dung lên A0

- **Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định học sinh trình bày, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia (thảo luận nhóm/ khai thác trực quan / 10 phút)

a. Mục tiêu

So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: GDP, GNI, GDP/người, GNI/người

b. Nội dung

- Học sinh đọc mục 2 SGK và hoàn thành nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm

NỘI DUNG

2. Tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia

- + Tổng sản phẩm trong nước là tổng giá trị của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ lãnh thổ quốc gia trong một khoảng thời gian
- + Tổng thu nhập quốc gia là tổng giá trị của tất cả các sản phẩm và dịch vụ cuối cùng do tất cả công dân của một quốc gia tạo ra trong năm.
- + GDP và GNI bình quân tính bằng quy mô GDP và GNI chia cho tổng số dân ở một thời điểm nhất định. Hai chỉ số này để đánh giá mức sống dân cư của một quốc gia

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc nội dung mục 2 SGK trả lời câu hỏi:

+ So sánh sự khác nhau giữa GDP và GNI?

+ Trong trường hợp nào GDP lớn hơn GNI và trong trường hợp nào thì GDP nhỏ hơn GNI?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc và hoàn thành trong vòng 5 phút

- **Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định học sinh trả lời câu hỏi, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

Hoạt động 3: Luyện tập

(Cá nhân/ động não/5 phút)

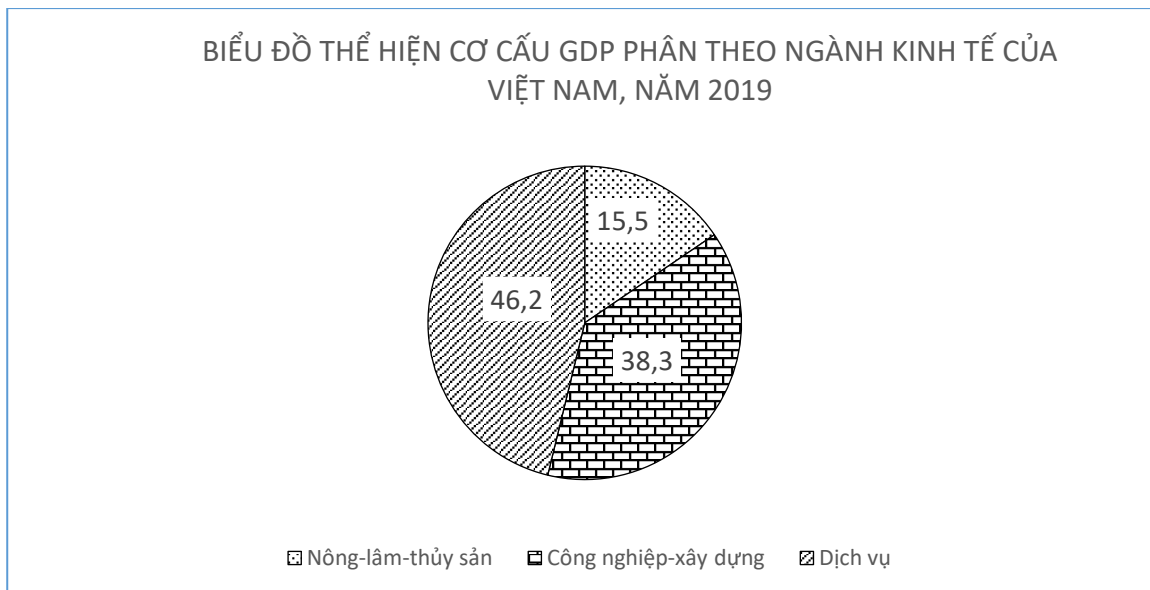
a. Mục tiêu

- HS củng cố lại kiến thức bài học.
- Năng lực tự học: HS chủ động tham gia hoạt động học tập
- Chăm chỉ: Ham học, tích cực học tập.

b. Nội dung

Hs dựa vào bảng số liệu Vẽ biểu đồ , nhận xét và giải thích cơ cấu GDP phân theo ngành của nước ta năm 2019

c. Sản phẩm



NHẬN XÉT:

- Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta 2019:
 - + Tỉ trọng Nông-lâm-ngư nghiệp nhỏ nhất
 - + Tỉ trọng công nghiệp- xây dựng khá cao
 - + Tỉ trọng dịch vụ cao nhất

GIẢI THÍCH:

- + Việt Nam thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho Bảng số liệu sau

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ NƯỚC TA, NĂM 2019 (Đơn vị: %)

Ngành	Nông-lâm và thủy sản	Công nghiệp xây dựng	Dịch vụ
Tỉ trọng	15,5	38,3	46,2

a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP theo ngành của nước ta , năm 2019

b. Nhận xét và giải thích .

- **Thực hiện nhiệm vụ:** cả lớp hoàn thành nhiệm vụ trong vòng 5 phút. GV gọi 1 bạn lên bảng làm bài
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho Hs khác nhận xét, bổ sung bài trên bảng của bạn.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả, tuyên dương các HS làm việc tích cực.

Hoạt động 4: Vận dụng (3 phút)

a. Mục tiêu

- Năng lực tự học: HS chủ động tự giác học tập ngoài giờ học.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đề xuất các giải pháp khai thác nguồn lực tự nhiên tại địa phương

b. Nội dung: HS nhận nhiệm vụ

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm hiểu và cho biết GDP và GDP bình quân đầu người của nước ta những năm gần đây nhất
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, ghi lại và hoàn thành nhiệm vụ sau buổi học.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS tiến hành làm bài tập ở nhà vào vở.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét đánh giá quá trình học tập của HS.